

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Điều hòa không khí và thông gió
(22821206)

Ngày thi: 25/01/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B201

Số SV có mặt: 24...

Số bài thi:24...

Số tờ giấy thi: 24.

Handwritten signatures and names:
Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Hùng*
Cán bộ coi thi 2: *Nguyễn Hoàng*
G.Viên chấm thi 1: *Đỗ Quang Huy*
G.Viên chấm thi 2: *Vũ Đình Nhường*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121180044	Trần Hải	Âu	30/11/2003	CCQ2118B		0.0			
2	2122180068	Nguyễn Thái	Bảo	26/02/2004	CCQ2218B	271 Bảo	6.5	2.8	4.3	
3	2122180006	Cao Ngọc	Cường	21/04/2003	CCQ2218A	435 Cy	7.3	5.8	6.4	
4	2122180027	Nguyễn Ngọc	Đại	02/07/2004	CCQ2218A	455 Đại	0.0			
5	2122180057	Võ Trương	Đông	01/01/2004	CCQ2218B	435 Danc	7.3	5.0	5.9	
6	2122180051	Nguyễn Tùng	Dương	20/11/2004	CCQ2218B	312 Duong	5.5	5.8	5.7	
7	2122180047	Phan Phú	Gia	26/12/2002	CCQ2218B	312 P	7.7	6.8	7.1	
8	2122180052	Trần Văn	Giang	08/03/2004	CCQ2218B	109 Giang	7.3	4.0	5.3	
9	2122180021	Lê Hoàng Phúc	Hậu	19/03/2004	CCQ2218A	312 H	6.7	7.0	6.9	
10	2122180008	Nguyễn Xuân	Hiệp	09/07/2004	CCQ2218A	109 Hng	7.0	5.7	6.2	HP
11	2122180061	Lê Duy	Hòa	04/02/2004	CCQ2218B					HP
12	2122180016	Huỳnh Bảo	Hưng	17/09/2004	CCQ2218A	109 H	6.7	5.5	6.0	
13	2122180065	Nguyễn Nhật	Huy	26/11/2003	CCQ2218B	435 Huc	7.5	4.0	5.4	
14	2122180020	Nguyễn	Huỳnh	10/05/2004	CCQ2218A	271 Huy	6.0	5.2	5.5	
15	2122180034	Nguyễn Thái	Khênh	29/08/2003	CCQ2218A	109 Khena	6.8	4.7	5.6	
16	2122180040	Phạm Đăng	Khoa	23/06/2004	CCQ2218B					HP
17	2122180041	Nguyễn Hoàng	Khôi	08/03/2004	CCQ2218B	271 Kch	6.7	7.3	7.0	
18	2122180062	Nguyễn Hữu	Kiên	09/11/2003	CCQ2218B	312 K	7.0	4.8	5.7	
19	2122180042	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Kiệt	23/03/2004	CCQ2218B	271 Kiet	6.7	7.2	7.0	
20	2122180012	Phạm Minh	Kiệt	01/06/2004	CCQ2218A	435 M	7.8	5.5	6.4	
21	2122180060	Trần Quốc	Kiệt	07/12/2004	CCQ2218B	312 K	6.7	5.0	5.7	
22	2122180004	Nguyễn Khánh	Linh	03/07/2004	CCQ2218A	109 L	5.8	4.5	5.0	
23	2122180007	Đinh Nguyễn Thành	Long	10/11/2004	CCQ2218A		0.7			
24	2122180067	Võ Thành	Luân	29/03/2004	CCQ2218B					HP
25	2122180024	Ngô Hoài	Nam	23/06/2004	CCQ2218A					HP
26	2122180002	Nguyễn Phương	Nam	18/06/2003	CCQ2218A	271 N	7.3	8.2	7.9	
27	2122180054	Trần Văn	Nam	03/08/2004	CCQ2218B	435 T	7.3	6.0	6.5	
28	2122180053	Nguyễn Tấn	Nghĩa	18/12/2003	CCQ2218B	109 N	7.2	5.2	6.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Điều hòa không khí và thông gió
(22821206)
Ngày thi: 25/01/2024
Giờ thi: 7g30
Phòng thi: B201

Số SV có mặt: 24
Số bài thi: 24
Số tờ giấy thi: 24

(Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors are present here)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122180013	Nguyễn Văn	Nghĩa	27/05/2004	CCQ2218A	271	<i>Nguyễn Nghĩa</i>	6.3	2.7	4.2	HP
30	2122180043	Văn Thanh	Nhật	24/01/2004	CCQ2218B	435	<i>Nhật Văn</i>	7.3	3.8	5.2	
31	2122180037	Phạm Văn	Nhơn	05/11/2004	CCQ2218B	312	<i>Nhơn Phạm</i>	7.0	5.5	6.1	HP

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Điều hòa không khí và thông gió
(22821206)

Ngày thi: 25/01/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B202

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122180025	Nguyễn Trung	Nhuận	08/12/2004	CCQ2218A	435	nhu	7.2	5.0	5.9	
2	2122180003	Nguyễn Minh	Nhật	28/10/2004	CCQ2218A	109	my	7.0	5.0	5.8	
3	2122180028	Nguyễn Dương Tấn	Phát	05/02/2004	CCQ2218A	271	Phat	6.7	5.7	6.1	
4	2122180032	Thái Đức	Phong	09/04/2004	CCQ2218A						HP
5	2122180014	Trần Thanh	Phong	17/03/2004	CCQ2218A	435	Phong	7.3	4.5	5.6	
6	2122180044	Huỳnh Nhật	Quang	10/08/2004	CCQ2218B	109	Quang	7.2	4.2	5.4	HP
7	2122180009	Phạm Tấn	Sinh	15/07/2004	CCQ2218A	271	Sinh	6.7	4.0	5.1	
8	2122180001	Phạm Huỳnh Nhật	Tân	15/10/2000	CCQ2218A	312	Tan	6.8	6.8	6.8	HP
9	2122180019	Võ Quang	Thắng	10/04/2004	CCQ2218A						HP
10	2122180031	Lê Thanh	Thế	22/02/2004	CCQ2218A	109	Thế	7.7	3.8	5.3	
11	2122180066	Trương Văn	Thế	27/01/2004	CCQ2218B	271	Thế	7.2	4.7	5.7	
12	2122180048	Võ Văn	Thiên	12/08/2004	CCQ2218B	312	Thien	7.0	5.3	6.0	
13	2122180064	Bùi Ngọc	Thiện	04/10/2004	CCQ2218B	435	Thien	7.3	3.7	5.2	
14	2122180046	Nguyễn Văn	Thiệt	13/11/2004	CCQ2218B	109	Thiet	7.0	5.3	6.0	
15	2122180056	Nguyễn Văn	Tiến	06/09/2003	CCQ2218B	271	Tien	7.0	3.7	5.0	
16	2122180035	Phạm Đình	Tiến	30/03/2004	CCQ2218B	312	Tien	7.3	2.0	4.1	HP
17	2122180039	Trần Văn	Tiến	05/11/2004	CCQ2218B	435	Tien	7.3	4.5	5.6	
18	2122180049	Lê Văn	Tinh	29/12/2004	CCQ2218B	109	Tinh	7.0	5.8	6.3	
19	2122180063	Trần Quốc	Tinh	17/08/2004	CCQ2218B	271	Tinh	7.3	3.0	4.7	
20	2122180030	Huỳnh Minh	Toàn	20/10/2004	CCQ2218A	312	Toan	7.0	4.3	5.4	
21	2122180015	Châu Minh	Tri	25/08/2004	CCQ2218A						HP
22	2122180055	Nguyễn Tấn	Trung	16/07/2004	CCQ2218B	271	Trung	7.0	4.0	5.2	
23	2122180038	Nguyễn Đình	Trường	01/10/2004	CCQ2218B	312	Truong	6.8	3.2	4.7	
24	2122180023	Nguyễn Quốc	Trường	21/01/2004	CCQ2218A						HP
25	2122180010	Hà Hữu	Truyền	13/05/2002	CCQ2218A	435	Truyen	7.8	4.8	6.0	
26	2122180022	Nguyễn Hoàng	Tú	26/02/2004	CCQ2218A	109	Tu	7.0	6.8	6.9	
27	2122180059	Báo Văn Anh	Tuấn	22/06/2004	CCQ2218B	271	Tuan	7.3	6.2	6.7	
28	2122180017	Nguyễn Ngọc	Tường	11/09/2004	CCQ2218A						HP

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Điều hòa không khí và thông gió
(22821206)
Ngày thi: 25/01/2024
Giờ thi: 7g30
Phòng thi: B202

Số SV có mặt: 26 Lê T.N. Huyền Ngô Thúy Hà Nguyễn Huy Đỗ Quang Huy Nguyễn O.Đ. Huy
Số bài thi: 26
Số tờ giấy thi: 26

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122180018	Nguyễn Nghi	Văn	06/04/2004	CCQ2218A	109	100%	6.5	4.5	5.3
30	2122180033	Nguyễn Thành	Vạn	19/02/2004	CCQ2218A	435	Van	7.0	5.3	6.0
31	2122180058	Lê Hùng	Vương	12/08/2004	CCQ2218B	312	Vu	7.3	5.3	6.1